

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

PHẠM QUỲNH HƯƠNG

SỰ THAM GIA CỦA VIỆT NAM VÀO TỔ CHỨC THƯƠNG
MẠI THẾ GIỚI (WTO) DƯỚI GÓC NHÌN CHÍNH TRỊ

LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHÍNH TRỊ HỌC

Hà Nội - 2026

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: 1. GS.TS. Hoàng Khắc Nam

2. TS. Vũ Thụy Trang

Phản biện:

Phản biện:

Phản biện:

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng cấp Đại học quốc gia
chăm luận án tiến sĩ, họp tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và
Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, vào hồi.....giờ,
ngàythángnăm 2025

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề tài

Tổ chức thương mại thế giới (WTO) là một tổ chức quan trọng hàng đầu trong việc thúc đẩy thương mại toàn cầu và giải quyết các tranh chấp thương mại giữa các quốc gia. Nó được nhìn nhận như là tập hợp những quy định, quy tắc, luật chơi - luật tác nghiệp trong thương mại, kinh doanh toàn cầu. Các nhân tố của thiết chế pháp lý quốc tế này là các hiệp định của WTO được các nước, các nền kinh tế tham gia quan hệ thương mại quốc tế xây dựng và cam kết thực hiện.

Việc Việt Nam gia nhập WTO vào năm 2007 đã đánh dấu bước chuyển mình mạnh mẽ của đất nước từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là quyết định sáng suốt và đúng đắn, thể hiện rõ định hướng hội nhập toàn diện và sâu rộng của Đảng và Nhà nước Việt Nam với cộng đồng quốc tế. Đây là lý do đầu tiên mà tác giả lựa chọn đề tài này để nghiên cứu. Lý do thứ hai, các quốc gia tham gia vào quá trình hội nhập quốc tế chính là để thúc đẩy sự phát triển kinh tế. Hội nhập kinh tế tạo ra nhiều cơ hội giao thương và đầu tư mạnh mẽ giữa các quốc gia. Lý do thứ ba, không giống như các nghiên cứu thuần tuý về kinh tế hay pháp lý, nghiên cứu dưới góc nhìn chính trị sẽ phân tích, tìm hiểu những động lực, tính toán và hệ quả chính trị phía sau quá trình đàm phán, gia nhập và thực thi các cam kết của WTO. Đồng thời, làm rõ vai trò của các chủ thể như Đảng Cộng sản Việt Nam (ĐCSVN), Nhà nước cũng như sự tương tác giữa các nhóm lợi ích trong nước và các tổ chức quốc tế. Lý do thứ tư, nghiên cứu đề tài này có ý nghĩa thực tiễn cao trong bối cảnh Việt Nam đang tiếp tục tham gia vào nhiều hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, RCEP. Việc nghiên cứu quá trình gia nhập WTO từ góc độ chính trị sẽ cung cấp những bài học kinh nghiệm về cách xây dựng đồng thuận chính trị, xử lý mâu thuẫn lợi ích và nâng cao năng lực thể chế để đáp ứng yêu cầu hội nhập. Đồng thời, cũng giúp nhận diện những thách thức về chủ quyền, an ninh kinh tế và sự phụ

thuộc vào các thị trường lớn, từ đó đề xuất các giải pháp chính sách phù hợp. Lý do thứ năm, đối với Việt Nam, việc gia nhập WTO đã thay đổi cách thức Việt Nam tiếp cận và xây dựng quan hệ với các nước khác không chỉ trong lĩnh vực đầu tư thương mại mà còn trong quan hệ chính trị, xã hội với các nước lớn khác. Lý do thứ sáu, hệ thống thương mại toàn cầu bị phân mảnh bởi chủ nghĩa bảo hộ, căng thẳng địa chính trị và sự suy yếu của cơ chế giải quyết tranh chấp, nhiều quốc gia đã chuyển hướng sang các hiệp định song phương hoặc khu vực; do đó WTO đang đối mặt với nhiều thách thức và suy giảm vai trò trong điều phối thương mại toàn cầu. Điều này đặt ra thách thức lớn cho tính hiệu quả và khả năng điều phối của WTO trong việc duy trì tổ chức công bằng, minh bạch và ổn định cho các quốc gia thành viên. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn duy trì lập trường chính trị rõ ràng, theo chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam (ĐCSVN) tiếp tục ủng hộ, thúc đẩy chủ nghĩa đa phương, tham gia vào các thể chế đa phương trong đó có WTO.

Trong bối cảnh đó, việc phân tích sự tham gia của Việt Nam vào WTO dưới góc nhìn chính trị không chỉ hiểu rõ hơn về những lợi ích, cơ hội và rủi ro mà Việt Nam đang đối mặt mà còn mở ra cơ hội đánh giá lại chiến lược hội nhập quốc tế của đất nước. Hơn nữa, nghiên cứu này còn giúp làm rõ vai trò của Việt Nam trong việc bảo vệ và thúc đẩy chủ nghĩa đa phương, nhất là khi Việt Nam ngày càng đánh giá cao về vai trò xây dựng trong các diễn đàn quốc tế. Từ đó, có thể đề xuất những định hướng chính sách phù hợp, góp phần định hình lại trật tự kinh tế quốc tế theo hướng công bằng và bền vững. Với những lý do trên, tác giả đã lựa chọn đề tài ***“Sự tham gia của Việt Nam vào Tổ chức thương mại thế giới (WTO) dưới góc nhìn chính trị”*** làm đề tài nghiên cứu của mình.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục tiêu nghiên cứu của luận án

Phân tích và làm rõ những bản chất chính trị của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, từ đó đánh giá tác động của sự kiện này đối với vị

thế quốc tế, chính sách đối nội và đối ngoại cũng như định hướng phát triển chính trị - kinh tế của Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hoá.

2.2. *Nhiệm vụ nghiên cứu của luận án*

Để đạt được mục tiêu trên, luận án xác định những nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể sau: Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài, xác định vấn đề cần tập trung nghiên cứu; Hệ thống hóa cơ sở lý luận về những khía cạnh chính trị của Việt Nam khi tham gia hội nhập kinh tế quốc tế và tổ chức quốc tế, trong đó có WTO; Phân tích các nhân tố tác động đến quá trình tham gia WTO của Việt Nam dưới góc nhìn chính trị; Làm rõ vai trò của các chủ thể chính trị trong nước như ĐCSVN, Nhà nước, các nhóm lợi ích trong quá trình ra quyết định và thực thi cam kết WTO; Phân tích những thách thức chính trị mới đặt ra cho Việt Nam trong bối cảnh vai trò của WTO đang bị suy giảm; Đề xuất các khuyến nghị chiến lược cho Việt Nam trong việc duy trì vai trò tích cực trong các cơ chế đa phương, đồng thời xây dựng thế hài hòa giữa hội nhập kinh tế quốc tế và bảo vệ chủ quyền chính trị.

3. *Đối tượng, phạm vi nghiên cứu*

3.1. *Đối tượng nghiên cứu*

Quá trình Việt Nam chuẩn bị và tham gia WTO từ năm 1995 đến năm 2025 dưới góc nhìn chính trị.

3.2. *Phạm vi nghiên cứu*

- *Phạm vi thời gian*: từ năm 1995 đến năm 2025
- *Phạm vi nghiên cứu trên được tác giả chia làm 2 giai đoạn*:
 - + Giai đoạn từ 1995 – 2006
 - + Giai đoạn từ 2007 – 2025
- *Phạm vi không gian*:
 - + Thế giới: Nghiên cứu tổng thể các đối tác và nhân tố bên ngoài tác động đến quá trình tham gia WTO của Việt Nam.
 - + Việt Nam: Nghiên cứu các nhân tố trong nước, các chủ trương, đường lối và chính sách của Đảng – Chính phủ; quá trình Việt Nam chuẩn bị và tham gia WTO.
- *Phạm vi nội dung*:

Luận án nghiên cứu quá trình chuẩn bị và tham gia WTO của Việt Nam chủ yếu dưới góc nhìn chính trị (quan điểm, đường lối đối ngoại và sự chỉ đạo của ĐCSVN)

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của luận án

4.1. Cơ sở lý luận của luận án

Luận án được nghiên cứu trên cơ sở lý luận và phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ chí Minh và các quan điểm (hợp tác và hội nhập quốc tế); các chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về việc tham gia WTO (hợp tác, chính sách đối ngoại của Việt Nam)

4.2. Phương pháp nghiên cứu của luận án

Trong quá trình nghiên cứu, luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu liên ngành, phương pháp nghiên cứu chuyên ngành chính trị học, phương pháp logic và phương pháp lịch sử, cụ thể như sau:

Phương pháp nghiên cứu lịch sử, Phương pháp tổng hợp, logic, so sánh, Cách tiếp cận kinh tế chính trị, Cách tiếp cận liên ngành. Ngoài ra, luận án còn sử dụng các cách tiếp cận chính trị học để đánh giá sự tham gia WTO của Việt Nam; xem xét các nguyên nhân và yếu tố chính trị của sự tham gia WTO và được làm rõ ở phần kết luận; đồng thời luận án tập trung phân tích, đánh giá tác động chính trị đối với vấn đề này.

5. Những đóng góp mới về khoa học của luận án

Một là, luận án góp phần làm rõ những nhân tố tác động đến quá trình trước và sau khi Việt Nam gia nhập WTO như các nhân tố kinh tế, nhân tố chính trị và nhân tố xã hội; Hai là, hệ thống hóa các luận điểm lý thuyết về mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị trong việc Việt Nam tham gia WTO; Ba là, đánh giá nguyên nhân, thực trạng, kết quả, khó khăn và thuận lợi của Việt Nam khi gia nhập WTO dưới góc nhìn chính trị; Bốn là, đưa ra hàm ý và xây dựng chính sách cho Việt Nam.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

Luận án góp phần giải quyết một số vấn đề lý luận của việc Việt Nam tham gia WTO, mối quan hệ giữa kinh tế - chính trị, làm phong

phụ thêm hệ thống lý thuyết nghiên cứu về hội nhập kinh tế quốc tế (HNKTQT) góp phần xây dựng đất nước trong bối cảnh mới dưới góc nhìn chính trị; đóng góp thêm những luận cứ khoa học có giá trị tham khảo cho các nhà hoạch định chính sách đối ngoại; Luận án sẽ là tài liệu tham khảo cho việc học tập, giảng dạy và nghiên cứu các môn học liên quan đến chính trị học, những vấn đề về chính sách đối ngoại, chính trị quốc tế, quan hệ quốc tế.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận án gồm 4 chương, 10 tiết

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới

Chương 2: Cơ sở lý luận và các nhân tố tác động đến sự tham gia Tổ chức thương mại thế giới của Việt Nam

Chương 3: Quá trình tham gia Tổ chức thương mại thế giới của Việt Nam (1995 – 2025) dưới góc nhìn chính trị

Chương 4: Một số nhận xét và hàm ý chính sách cho Việt Nam tham gia hiệu quả vào Tổ chức Thương mại thế giới

CHƯƠNG 1:

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VIỆT NAM GIA NHẬP TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI

1.1. Những nghiên cứu liên quan đến đề tài

1.1.1. Nhóm công trình nghiên cứu về Hội nhập kinh tế quốc tế và Tổ chức quốc tế

Các công trình nghiên cứu ở nước ngoài

Greenspan Alan (2001), *Global Economic Integration: Opportunities and Challenges* (tạm dịch: Hội nhập kinh tế toàn cầu: Cơ hội và thách thức), NXB. Books for Business; Jovanovic N. Miroslav (2006), *The International Economic Integration* (tạm dịch: Hội nhập kinh tế quốc tế), NXB. Edward Elgar Publishing; Weiss G. Thomas, Wilkinson Rorden (2014), *International Organization and Global Governance: A*

Global Public Policy (tạm dịch: Tổ chức quốc tế và quản trị toàn cầu: Chính sách công toàn cầu). NXB. Routledge; Baylis John, Smith Steve và Owens Patricia (2017), *The Globalization of World Politics: An introduction to International relations* (tạm dịch: Toàn cầu hóa chính trị thế giới: Giới thiệu về quan hệ quốc tế), NXB. Oxford University Press.

Các công trình nghiên cứu ở trong nước

Võ Thanh Thu (2003), *Quan hệ kinh tế quốc tế*, NXB. Thống kê; Lê Hoài Trung và nhóm tác giả (2005), *Các tổ chức quốc tế và Việt Nam*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội; Đinh Quý Độ (2012), *Các tổ chức phi chính phủ quốc tế, vấn đề nổi bật, xu hướng cơ bản và tác động chủ yếu*, NXB. Khoa học Xã hội, Hà Nội; Bùi Hồng Hạnh - Bùi Thành Nam (2015), *Sự hình thành và phát triển của các tổ chức quốc tế liên chính phủ từ năm 1945 đến nay*, NXB. Đại học quốc gia Hà Nội; Nguyễn Văn Bích (2018), *Các tổ chức quốc tế và quản trị toàn cầu*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

1.1.2. *Nhóm các công trình nghiên cứu về Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam*

Các công trình nghiên cứu ở nước ngoài

Jenkins Rhys (2004), *Vietnam in the global economy: trade, employment and poverty* (tạm dịch: Việt Nam trong nền kinh tế toàn cầu: thương mại, việc làm và nghèo đói), NXB. Journal of International Development; Nguyen Manh Hung (2004), *Vietnam: Facing the challenge of integration, Southeast Asian Affairs* (tạm dịch: Việt Nam: Đối mặt với thách thức hội nhập, Các vấn đề Đông Nam Á), NXB. ISEAS-Jusof Ishark Institute (USA).

Các công trình nghiên cứu ở trong nước

Nguyễn Anh Chương (Chủ biên) (2003), *Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam (Hai thập niên đầu thế kỷ XXI)*, NXB. Đại học Vinh. Nguyễn Hồng Thao (2010), *Pháp luật về hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam*, NXB. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội; Nguyễn Xuân Thắng (2011), *Độc lập tự chủ và hội nhập quốc tế của Việt Nam trong bối cảnh mới*, NXB. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà

Nội; Hoàng Khắc Nam (2014), *Một số vấn đề lý luận quan hệ quốc tế dưới góc nhìn lịch sử*, NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội; Nguyễn Thị Lan Phương (2015), *Hội nhập quốc tế và thực tiễn áp dụng cho Việt Nam*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội; Bùi Thanh Sơn (2016), *Hội nhập quốc tế và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội; Hoàng Khắc Nam (2017), *Hợp tác và hội nhập quốc tế - Lý luận và thực tiễn*, NXB. Thế giới, Hà Nội; Nguyễn Đình Cung (2019), *Việt Nam với hội nhập kinh tế quốc tế: Lộ trình, chính sách và giải pháp*, NXB. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội. Phan Văn Rân (2020), *Hội nhập quốc tế của Việt Nam hiện nay - Vấn đề và các giải pháp đột phá*, NXB. Lý luận Chính trị, Hà Nội. Vũ Văn Phúc - Phạm Minh Chính (2021), *Hội nhập kinh tế quốc tế 30 năm nhìn lại*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội; Nguyễn Anh Chương, Lê Thế Cường và Nguyễn Văn Tuấn (2023), *Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam – Hai thập niên đầu thế kỷ XXI*, NXB. Đại học Vinh. Trần Thọ Quang, Phạm Quốc Thành, Nguyễn Đức Thọ, Nguyễn Thị Thanh Vân (2025), *Đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam trong bối cảnh mới: Từ góc nhìn ngoại giao kinh tế*, NXB. Chính trị quốc gia sự thật.

1.1.3. Nhóm các công trình nghiên cứu về sự tham gia Tổ chức thương mại thế giới của Việt Nam

Các công trình nghiên cứu ở nước ngoài

S.H.Donald (2007), *WTO, Vietnam and the Asian Region* (tạm dịch: WTO, Việt Nam và khu vực Châu Á), NXB. Edward Elgar. Hoekman M.Bernard, Kostecki M.Michel (2009), *World Trade Organization: Law, Economics, and Politics* (tạm dịch: Tổ chức Thương mại Thế giới: Luật, Kinh tế và Chính trị), NXB. Routledge. Bossche Van Peter, Zdouc Werner (2013), *The law and policy of the World Trade Organization* (tên tiếng Việt: Luật pháp và chính sách của Tổ chức Thương mại Thế giới), NXB. Cambridge University Press; Baldwin Richard, Kawai Masahiro, Wignaraja Ganeshan (2014), *A world Trade Organization for the 21st Century - The Asian Perspective*

(tạm dịch: Tổ chức Thương mại Thế giới Thế kỷ 21 - Quan điểm của Châu Á), NXB. T.J. International Ltd, Padstow.

Các công trình nghiên cứu ở Việt Nam

Phan Văn Các (2007), *Việt Nam trong WTO: Những vấn đề pháp lý cơ bản*, NXB. Chính trị quốc gia; Nguyễn Văn Thanh (2007), *Thành viên WTO thứ 150 Bài học từ các nước đi trước*, NXB. Chính trị quốc gia; Nguyễn Thị Doan (2008), *Việt Nam gia nhập WTO: Lý luận và thực tiễn*, NXB. Đại học Kinh tế quốc dân; Văn phòng quốc hội - Trung tâm thông tin, thư viện và nghiên cứu khoa học (2011), *Việt Nam gia nhập WTO: Thuận lợi, thách thức và vai trò của quốc hội*, NXB. Chính trị quốc gia; Nguyễn Văn Thành (2011), *Những tác động chính trị - kinh tế của Việt Nam gia nhập WTO*, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội; Nguyễn Quang Thuấn (2013), *5 năm Việt Nam gia nhập WTO*, NXB. Khoa học Xã hội.

1.2. Nhận xét kết quả nghiên cứu từ các công trình và những vấn đề luận án cần giải quyết dưới góc nhìn chính trị

1.2.1. Nhận xét kết quả nghiên cứu từ các công trình

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu đã khái quát, tổng hợp, phân tích khá rộng về hội nhập kinh tế quốc tế và các tổ chức quốc tế; WTO và quá trình Việt Nam gia nhập WTO, cụ thể là:

Thứ nhất, các công trình đều khẳng định ý nghĩa to lớn của hội nhập kinh tế quốc tế là giúp mục tiêu phát triển đất nước nhanh nhất, bền vững và góp phần đảm bảo an ninh, quốc phòng; *Thứ hai*, ở những khía cạnh khác nhau, có những nghiên cứu đã cung cấp những khái niệm cơ bản, đưa ra các hình thức và mức độ hội nhập kinh tế quốc tế khác nhau. Đồng thời, một số công trình cũng có những quan điểm có tính lý luận về động cơ, mục đích và nhân tố tác động đến sự tham gia của các nước vào hội nhập kinh tế quốc tế; *Thứ ba*, các công trình đã đưa ra những quan điểm về hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, đồng thời cũng đưa ra những thách thức và khó khăn đối với Việt Nam; *Thứ tư*, các công trình nghiên cứu về tổ chức quốc tế đa phần đều phân thành 2 nhóm chính là tổ chức liên chính phủ và tổ chức phi chính phủ.

Các công trình đều có cái nhìn tổng quát về tổ chức quốc tế từ góc độ chính trị và ảnh hưởng của chính trị đảng sau các tổ chức quốc tế; *Thứ năm*, những công trình nghiên cứu về WTO đều tập trung đến các khía cạnh khung pháp lý, những điều kiện, tiêu chuẩn của các nước muốn gia nhập WTO, cách thức đàm phán (song phương, đa phương) để được Hội đồng chấp thuận.

1.2.2. Một số vấn đề luận án cần giải quyết

Thứ nhất, đánh giá, phân tích vai trò của các tổ chức chính trị như Đảng Cộng sản Việt Nam, Chính phủ, Quốc hội trong quá trình ra quyết định và đàm phán với WTO; *Thứ hai*, phân tích động cơ chính trị của Việt Nam trong việc tham gia WTO như một cách để bảo vệ chủ quyền và tăng cường sức mạnh quốc gia nhằm hội nhập kinh tế toàn cầu và thúc đẩy sự phát triển thông qua hợp tác đa phương; *Thứ ba*, nghiên cứu những tác động chính trị sau khi Việt Nam gia nhập WTO. Việc gia nhập WTO có thể dẫn tới sự điều chỉnh trong cách thức quản lý và chính sách đối ngoại của Việt Nam; *Thứ tư*, phân tích những cơ hội và thách thức, thuận lợi và khó khăn về chính trị mà Việt Nam đối mặt khi thực hiện các cam kết với WTO như việc điều chỉnh luật pháp, vấn đề chủ quyền và sự tác động của các quy định quốc tế đến chính sách của Việt Nam; *Thứ năm*, đề xuất các giải pháp chính trị và hàm ý chính sách cho Việt Nam từ góc độ chính trị để nâng cao hiệu quả tham gia WTO; *Thứ sáu*, từ những vấn đề cần giải quyết trên, góp phần làm rõ thêm sự tương tác giữa kinh tế và chính trị của việc Việt Nam gia nhập WTO.

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ THAM GIA TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI CỦA VIỆT NAM

2.1. Cơ sở lý luận về sự tham gia Tổ chức Thương mại thế giới của Việt Nam

2.1.1. Khái niệm hội nhập kinh tế quốc tế

Có thể thấy HNKQT được dùng để chỉ cùng nội dung có nghĩa là *quá trình gắn kết nền kinh tế và thị trường của một quốc gia*

với nền kinh tế và thị trường thế giới và khu vực thông qua các biện pháp tự do hóa và mở cửa thị trường trên các cấp độ đơn phương, song phương và đa phương. HNKTQT còn bao hàm những nội dung rộng hơn và cao hơn tự do hóa thương mại.

2.1.2. Khái niệm Tổ chức quốc tế

Có nhiều cách định nghĩa khác nhau về TCQT nhưng đều thống nhất ở khái niệm chung, *TCQT là tổ chức bao gồm các thành viên từ hai quốc gia trở lên, có tôn chỉ mục đích hoạt động, có cơ quan, có bộ máy vận hành chung, có trụ sở và quy chế pháp luật chung để điều phối các hoạt động và duy trì tính hợp pháp, công bằng trong quá trình vận hành, tạo điều kiện cho các thành viên thực hiện các nhiệm vụ của TCQT đó*. Các đặc trưng này cho thấy TCQT là một hình thức tổ chức mang tính hợp tác đa quốc gia với cơ cấu tổ chức và quy chế riêng biệt, nhằm thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ chung của các quốc gia.

Ngoài những tổ chức quốc tế được công nhận là các tổ chức được tổ chức, hoạt động vì những mục đích tiến bộ nhưng hiện nay xuất hiện những tổ chức có mục đích phản động, tội phạm như tổ chức phân biệt chủng tộc, tổ chức tôn giáo cực đoan, tổ chức khủng bố. Những tổ chức này đều bị công pháp quốc tế lên án và bị các nước chống lại theo luật pháp quốc tế.

2.1.3. Các quan điểm lý thuyết về mối quan hệ kinh tế và chính trị trong hội nhập quốc tế

Để bàn đến quan điểm lý thuyết về mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị trong đời sống quốc tế, có thể nghiên cứu tới các quan điểm lý thuyết sau: *Chủ nghĩa trọng thương; Chủ nghĩa Mác – Lênin; Lý thuyết phụ thuộc (Theory of Dependency), Chủ nghĩa hiện thực (Realism), Chủ nghĩa tự do, Chủ nghĩa tân tự do, Lý thuyết kinh tế chính trị quốc tế (IPE)*,

Các lý thuyết khác nhau đưa ra các cách tiếp cận đa dạng, để hiểu về sự tương tác này có thể rút ra những kết luận về mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị như sau:

(1) 2 lợi ích cơ bản nhất của quốc gia là an ninh và phát triển, (2) Có sự tương tác qua lại với nhau, (3) Kinh tế và chính trị đều có khả năng chi phối nhau tùy theo từng trường hợp cụ thể, (4) Kinh tế là cơ sở, mục tiêu, công cụ, nguồn lực cho chính trị, (5) Chính trị có vai trò dẫn đường, định hướng, tạo môi trường và thể chế cho kinh tế, (6) Hợp tác và xung đột, (7) Hợp tác trong kinh tế dễ thực hiện hơn bởi lợi ích kinh tế dễ dàng chia sẻ hơn.

Tóm lại, mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị là sự tác động lẫn nhau liên tục, thay đổi tùy theo bối cảnh lịch sử, cấu trúc xã hội và hệ thống quốc tế. Các lý thuyết khác nhau mang đến những góc nhìn đa dạng, nhưng đều thống nhất rằng không thể tách rời kinh tế khỏi chính trị trong quá trình phân tích và ra quyết định.

2.1.4. Khung phân tích

Sự tham gia của Việt Nam vào WTO có hai mục tiêu chính là hội nhập kinh tế quốc tế và mục tiêu về chính trị. , luận án sẽ có khung phân tích cho việc nghiên cứu sự tham gia của Việt Nam vào WTO dưới góc nhìn chính trị như sau:

WTO là một tổ chức kinh tế quốc tế với mục tiêu hội nhập kinh tế quốc tế nên sự tham gia của Việt Nam sẽ đương nhiên chịu tác động của các nhân tố kinh tế. Đồng thời, việc tham gia tổ chức này là một dạng quan hệ xã hội quốc tế và còn để giải quyết các vấn đề xã hội trong nước cũng như trong quan hệ đối ngoại. Vì thế, sự tham gia của Việt Nam vào WTO cũng sẽ chịu tác động của các nhân tố xã hội. Đây cũng là quan điểm có được từ góc nhìn của chủ nghĩa kiến tạo. Bên cạnh đó, sự tham gia này còn chịu ảnh hưởng nhiều của các nhân tố chính trị. Mức độ ảnh hưởng của các nhân tố chính trị là cao bởi mục tiêu chính trị của Việt Nam là lớn đối với sự tham gia vào WTO, bởi môi trường chính trị quốc tế luôn tác động đến các lĩnh vực quan hệ khác như quan điểm của chủ nghĩa hiện thực, bởi mối quan hệ qua lại khác chặt chẽ giữa chính trị quốc tế và kinh tế quốc tế như quan điểm của chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa Mác.

Do tầm quan trọng cũng như mối liên hệ qua lại giữa ba nhóm nhân tố này nên luận án sẽ xem xét cả ba nhóm nhân tố đó. Trong đó, dưới góc độ chính trị, luận án sẽ tập trung xem xét các nhân tố chính trị tác động đến quá trình này. Các nhân tố này gồm cả nhân tố chính trị trong nước (vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam với tư cách là lãnh đạo công cuộc Đổi mới của đất nước cùng với nhu cầu chính trị trong nước) và ngoài nước (xu hướng mới trong quan hệ chính sách của các nước lớn, nhất là các nước lớn đối với thế giới và Việt Nam)

2.2. *Khái quát về Tổ chức Thương mại thế giới (WTO)*

2.2.1. *Quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO)*

Lịch sử hình thành của WTO

Tổ chức Thương mại thế giới - WTO được thành lập ngày 01/01/1995 và được thay thế cho GATT kết thúc ngày 15/4/1994 tại Marrakesh, Maroc. GATT tồn tại gần 50 năm dù chỉ là hiệp định tạo sân chơi cho thương lượng thương mại, hoạt động như một cơ chế quản lý thương mại quốc tế, GATT đã thúc đẩy quá trình tự do hóa thương mại và giúp thương mại quốc tế đạt tốc độ tăng trưởng nhanh chưa từng có trong lịch sử, cao hơn tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm thế giới. Trong 47 năm hoạt động, trải qua 8 vòng đàm phán, GATT đã có những đóng góp tích cực vào việc thúc đẩy tiến trình thuận lợi hóa và tự do hóa thương mại quốc tế.

Vòng đàm phán Uruguay cũng thông qua một loạt các quy định mới điều chỉnh thương mại dịch vụ và quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại. Một trong những thành công lớn nhất của vòng đàm phán này là các Thành viên đã ký kết Hiệp định Marrakesh thành lập WTO. Tổ chức này đi vào hoạt động từ ngày 01/01/1995.

2.2.2. *Ý nghĩa chính trị của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO)*

WTO không chỉ đơn thuần là một tổ chức kinh tế toàn cầu, mà còn mang những ý nghĩa sâu sắc về chính trị, góp phần điều chỉnh và định hình quan hệ giữa các quốc gia, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển như Việt Nam.

Thúc đẩy hợp tác đa phương; Công cụ chính trị trong quan hệ quốc tế; Thúc đẩy cải cách chính trị trong nước; Thúc đẩy dân chủ hóa, Gia tăng cơ hội giải quyết xung đột, đảm bảo an ninh qua sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế; Thúc đẩy phát triển bền vững; Tăng cường vai trò và vị thế của quốc gia trên trường quốc tế

WTO mang lại những ý nghĩa chính trị quan trọng không chỉ giúp thúc đẩy hợp tác và ổn định quốc tế mà còn tạo áp lực cải cách thể chế, trong đó có thể chế chính trị nội bộ và nâng cao vị thế quốc gia trên trường quốc tế.

2.3. Các nhân tố tác động đến sự tham gia Tổ chức Thương mại thế giới của Việt Nam

2.3.1. Nhân tố kinh tế

Những lý do quan trọng tác động tới việc Việt Nam quyết định tham gia WTO:

Thứ nhất, trước hết, gia nhập WTO xuất phát từ khát vọng phát triển kinh tế.

Thứ hai, hội nhập kinh tế toàn cầu, trước khi gia nhập WTO năm 2007, Việt Nam đã trải qua một quá trình hội nhập từng bước với nền kinh tế thế giới, từ việc tham gia ASEAN vào năm 1995, tham gia APEC năm 1998, đến ký kết nhiều hiệp định thương mại song phương và đa phương. Tuy nhiên, để cạnh tranh hiệu quả trên thị trường quốc tế, để được hội nhập toàn diện và sâu rộng hơn vào nền kinh tế thế giới, việc gia nhập WTO là bước đi tất yếu; *Thứ ba*, gia nhập để tiếp tục đổi mới thể chế kinh tế trong nước.

2.3.2. Nhân tố chính trị

Những lý do về nhân tố chính trị, có thể được phân tích như sau:

Thứ nhất, chủ trương hội nhập quốc tế của Đảng và Nhà nước là nền tảng quyết định. *Thứ hai*, sự chỉ đạo của Đảng và Nhà nước đã đóng vai trò quan trọng trong việc hoạch định chính sách, điều chỉnh thể chế và thúc đẩy cải cách kinh tế để đáp ứng các tiêu chí của WTO. *Thứ ba*, sự kiên định của Đảng và Nhà nước. *Thứ tư*, Việt Nam muốn khẳng định vai trò của mình trong cộng đồng quốc tế. *Thứ năm*, quyết

định gia nhập WTO của Việt Nam thể hiện rõ quyết tâm hội nhập toàn diện vào hệ thống toàn cầu. *Thứ sáu*, xây dựng một hệ thống quản lý hành chính hiệu quả hơn, đảm bảo sự minh bạch và bình đẳng trong hoạt động kinh tế đặc biệt là với các doanh nghiệp nước ngoài. *Thứ bảy*, Việt Nam muốn xây dựng mạng lưới quan hệ kinh tế chính trị với các thành viên khác của WTO. *Thứ tám*, sự ảnh hưởng của khu vực đã tác động đến vấn đề chính trị của Việt Nam.

Nhân tố chính trị đóng vai trò then chốt trong quá trình gia nhập WTO của Việt Nam cùng với chiến lược tốt và sự quyết đoán của Đảng và Chính phủ. Sự chỉ đạo của Đảng và Nhà nước là yếu tố quan trọng giúp định hướng và thúc đẩy quá trình cải cách kinh tế.

2.3.3. Nhân tố xã hội

Trong giai đoạn này, tình hình xã hội thực tế ở Việt Nam được thể hiện như sau và có những lý do thúc đẩy Việt Nam tham gia WTO:

Thứ nhất, xuất phát từ nhu cầu tăng trưởng kinh tế bền vững nhằm nâng cao thu nhập bình quân đầu người, tạo nền tảng cho xã hội ổn định và thịnh vượng. *Thứ hai*, đội ngũ cán bộ và nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra. *Thứ ba*, nhận thức tư tưởng và kiến thức về vấn đề hội nhập kinh tế quốc tế chưa đầy đủ, chưa hiểu rõ những cơ hội và thách thức của tiến trình hội nhập để có kế hoạch nắm bắt thời cơ. *Thứ tư*, gắn trách nhiệm của người dân vào công cuộc hội nhập, sử dụng nguồn lực bên ngoài tạo thành sức mạnh quốc gia. *Thứ năm*, lý do tác động đến việc Việt Nam gia nhập WTO xuất phát từ khát vọng hội nhập văn hoá – xã hội để nâng cao dân trí và chất lượng cuộc sống của người dân. Nhân tố xã hội có ảnh hưởng đáng kể khi Việt Nam tham gia WTO. Quá trình hội nhập kéo theo sự chuyển dịch cơ cấu lao động, đòi hỏi nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu cạnh tranh. Sự thay đổi trong tư duy về kinh tế thị trường cùng với áp lực đào tạo nguồn lực có trình độ cao hơn, đặt ra những thách thức trong lĩnh vực giáo dục và cải cách xã hội.

2.3.4. Bài học kinh nghiệm của Trung Quốc

Kinh nghiệm của Trung Quốc khi gia nhập WTO đã cho thấy tầm quan trọng của việc chuẩn bị kỹ lưỡng về chính sách, tận dụng mọi cơ hội trong quan hệ quốc tế cũng như mở cửa có kiểm soát và đầy mạnh xuất khẩu. Việt Nam có thể tham khảo để tối ưu hóa lợi ích và xây dựng cho mình những chính sách phù hợp để phát triển.

CHƯƠNG 3

QUÁ TRÌNH THAM GIA TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI CỦA VIỆT NAM (1995 – 2025) DƯỚI GÓC NHÌN CHÍNH TRỊ

3.1. Quá trình Việt Nam chuẩn bị tham gia Tổ chức Thương mại thế giới từ năm 1995 đến năm 2006 dưới góc nhìn chính trị

3.1.1. Khái quát quá trình chuẩn bị tham gia WTO của Việt Nam

Tại những phiên đàm phán đa phương được thực hiện tại các phiên họp của Nhóm công tác về việc gia nhập WTO, các nước khẳng định quan điểm của mình, đàm phán các cam kết có giá trị áp dụng chung và tổng kết các thành quả của các cuộc đàm phán song phương. Đàm phán đa phương thường ngắn, chỉ mang tính chất chính thức hóa những cam kết song phương. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy bản chất đàm phán song phương rất gay go và quyết liệt. Gia nhập WTO, Việt Nam được quyền tiếp nhận thị trường của tất cả các nước thành viên khác trên nguyên tắc hoạt động của WTO. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng phải mở cửa cho các nhà đầu tư nước ngoài được tham gia kinh doanh trong nhiều lĩnh vực, dịch vụ với những điều kiện thông thoáng hơn. Những lĩnh vực dịch vụ Việt Nam mở cửa là dịch vụ tài chính, ngân hàng, xây dựng, vận tải,...

Lộ trình đàm phán song phương

Bên cạnh đàm phán đa phương, các cuộc đàm phán song phương đóng vai trò quyết định trong việc Việt Nam đạt được các đồng thuận với các đối tác thương mại quan trọng khác. Việt Nam đã tiến hành hơn 200 cuộc đàm phán song phương với các quốc gia thành viên WTO, trong đó có những đối tác then chốt như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, Trung Quốc, Canada, Úc, Hàn Quốc và nhiều nước khác. Việt Nam

được yêu cầu đàm phán song phương với 27 quốc gia là Singapore, Chile, Cuba, Brasil, Argentina, EU, Uruguay, Canada, Columbia, Thổ Nhĩ Kỳ, Kyrgyzstan, Trung Quốc, Hàn Quốc,... Việc có nhiều nước thành viên yêu cầu đàm phán mở cửa thị trường với Việt Nam đã thể hiện sự quan tâm tới thị trường nước ta.

Quá trình đàm phán này không chỉ là một cuộc thương lượng kinh tế thuần túy mà còn phản ánh sự vận động của quyền lực trong quan hệ quốc tế đặc biệt là trong bối cảnh Việt Nam chuyển mình từ một nền kinh tế kế hoạch tập trung sang mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đàm phán với Hoa Kỳ đã đặt Việt Nam vào thế phải cân bằng giữa mục tiêu mở cửa hội nhập và bảo vệ lợi ích quốc gia, đồng thời cũng thấy được sự khác biệt trong mô hình phát triển giữa hai nước.

3.1.2. Đánh giá quá trình chuẩn bị tham gia WTO của Việt Nam dưới góc nhìn chính trị

Quá trình chuẩn bị tham gia của Việt Nam vào WTO được phân tích, đánh giá qua các khía cạnh sau:

Thứ nhất, trong quá trình chuẩn bị gia nhập WTO, ĐCSVN đã nhận thức sớm nên quyết định xin gia nhập WTO ngay khi tổ chức này được thành lập năm 1995 và đồng thời cũng đã thể hiện vai trò lãnh đạo toàn diện, xuyên suốt và quyết đoán; *Thứ hai*, tăng cường, củng cố quốc phòng - an ninh; *Thứ ba*, quyết định tham gia WTO, Việt Nam cũng chịu tác động từ các nhân tố chính trị trong và ngoài nước; *Thứ tư*, Việt Nam đã mở rộng và cải thiện quan hệ chính trị với nhiều nước, nhất là các nước lớn; *Thứ năm*, thực hiện đòn bẩy kinh tế. Việt Nam đã thực hiện nhiều cải cách kinh tế quan trọng nhằm tạo ra một môi trường kinh doanh thuận lợi, đồng thời sử dụng các biện pháp này như một công cụ để đàm phán với các đối tác thương mại chấp thuận sự tham gia của mình vào WTO. *Thứ sáu*, trong quá trình đàm phán gia nhập WTO, Việt Nam đã cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của WTO như cắt giảm thuế nhập khẩu; loại bỏ các biện pháp phi thuế quan không phù

hợp với quy định của WTO; minh bạch hóa chính sách; thực hiện các quy định về giải quyết tranh chấp thương mại.

3.2. Quá trình Việt Nam tham gia Tổ chức Thương mại thế giới từ năm 2007 đến năm 2025 dưới góc nhìn chính trị

3.2.1. Khái quát quá trình tham gia Tổ chức Thương mại thế giới của Việt Nam

Có thể phân chia quá trình Việt Nam tham gia WTO theo 4 giai đoạn:

Từ năm 2007 – 2010: giai đoạn hòa nhập và thích ứng

Sau khi Việt Nam gia nhập WTO, Việt Nam đã bước vào một giai đoạn hội nhập toàn diện, trong đó chính trị đóng vai trò trung tâm để điều phối các cải cách kinh tế và thể chế. Trong giai đoạn này không chỉ là thời kỳ hoà nhập kinh tế mà còn là bước đầu của quá trình tái cấu trúc chính trị, mở đường cho các cải cách sâu rộng tiếp theo. Năm 2010 còn được coi là thắng lợi của đường lối đối ngoại của Đảng và nhà nước, khi Việt Nam thể hiện vai trò dẫn dắt, điều phối hiệu quả và đóng góp tích cực vào hoà bình, ổn định và hợp tác khu vực.

Từ năm 2011 – 2015: giai đoạn mở rộng thị trường và hội nhập quốc tế

Đây là giai đoạn nỗ lực mạnh mẽ của Việt Nam để mở rộng thị trường và hội nhập sâu hơn vào cộng đồng kinh tế quốc tế, đánh dấu bước chuyển từ thích ứng sau WTO sang chủ động kiến tạo vị thế trong các thể chế kinh tế và chính trị toàn cầu. Nhà nước đã điều chỉnh chính sách để cân bằng giữa lợi ích quốc gia và áp lực từ các tổ chức quốc tế, đồng thời đảm bảo ổn định xã hội trước những thay đổi kinh tế nhanh chóng. Việt Nam bước vào thời kỳ hội nhập chủ động với mục tiêu mở rộng thị trường xuất khẩu, thu hút đầu tư nước ngoài và nâng cao vị thế chính trị quốc gia. Việt Nam đã chuyển từ “hội nhập thụ động” sang “hội nhập chủ động và có chọn lọc”

Từ năm 2016 – 2020: giai đoạn tăng cường cải cách và hội nhập sâu rộng.

Việt Nam đã tiếp tục thực hiện cải cách kinh tế và tăng cường hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu. Đây là thời kỳ chứng kiến nhiều thay đổi tích cực về mặt kinh tế, chính trị và xã hội, góp phần quan trọng vào sự phát triển bền vững của đất nước. Đảng xác định ba

đột phá chiến lược gồm hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển nguồn nhân lực và xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ. Trong đó, cải cách thể chế được xem là yếu tố then chốt để tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp, thúc đẩy đầu tư và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

Trong giai đoạn này, các nghị quyết của Đảng nhấn mạnh vai trò của doanh nghiệp tư nhân như một động lực quan trọng của nền kinh tế. Chính phủ đã triển khai nhiều chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, tạo điều kiện thuận lợi cho khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.

Từ năm 2021 – 2025: Đối mặt với thách thức và phát triển bền vững

Trong giai đoạn này Việt Nam cũng tận dụng các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và nâng cao vị thế trên trường quốc tế. Chính phủ đã tập trung vào cải cách thể chế phát triển nguồn nhân lực và đầu tư vào khoa học công nghệ nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của nền kinh tế. Nhìn chung Việt Nam đã có những bước tiến quan trọng trong việc cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững nhưng vẫn cần tiếp tục cải cách và thích ứng với những thách thức mới trong thời gian tới. Các Nghị quyết của Đảng đã đóng vai trò quan trọng trong việc hoạch định chiến lược hội nhập quốc tế giúp Việt Nam tận dụng tối đa các lợi thế từ các hiệp định thương mại và nâng cao vị thế cho Việt Nam.

3.2.2. Đánh giá quá trình tham gia Tổ chức Thương mại thế giới của Việt Nam dưới góc nhìn chính trị

Có thể đánh giá quá trình tham gia WTO của Việt Nam từ năm 2007 – nay như sau: *Thứ nhất*, thể hiện vai trò to lớn của Đảng và Nhà nước cũng như toàn bộ hệ thống chính trị; *Thứ hai*, Việt Nam tiến hành nhiều cải cách hệ thống chính trị và pháp lý tạo điều kiện quan trọng cho hội nhập; *Thứ ba*, việc tham gia WTO đã tác động đến mô hình quản trị nhà nước; *Thứ tư*, sự tham gia thuận lợi và có kết quả tốt dựa vào chính sách đối ngoại; *Thứ năm*, góp phần nâng cao phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội, đóng góp cho việc nâng cao sức mạnh tổng hợp quốc gia; *Thứ sáu*, góp phần mở rộng quan hệ đối ngoại, đảm bảo an

ninh – chính trị và quốc phòng; *Thứ bảy*, góp phần phát triển quan hệ đối tác chiến lược toàn diện; *Thứ tám*, nâng cao uy tín của Đảng trong toàn thể nhân dân, nâng cao sức mạnh đại đoàn kết dân tộc.

CHƯƠNG 4

MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH CHO VIỆT NAM THAM GIA HIỆU QUẢ VÀO TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI

4.1. Một số nhận xét về việc tham gia Tổ chức Thương mại thế giới của Việt Nam dưới góc nhìn chính trị

Luận án xin đưa ra một số nhận xét về việc Việt Nam tham gia WTO như sau:

Thứ nhất, việc gia nhập WTO cho thấy Việt Nam lựa chọn con đường hội nhập toàn diện, gắn kết chặt chẽ với các thể chế kinh tế quốc tế qua đó đã phản ánh sự kiên định, nhất quán trong đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước, coi hội nhập quốc tế là trụ cột chiến lược để nâng cao sức mạnh tổng hợp quốc gia; Thứ hai, gia nhập WTO, Việt Nam cân bằng giữa hội nhập kinh tế và bảo vệ chế độ chính trị; Thứ ba, Việt Nam mở rộng quan hệ đối ngoại, đa dạng hoá đối tác, giảm phụ thuộc và tạo dư địa cân bằng chiến lược trước biến động quyền lực khu vực, đồng thời tạo nền tảng để tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; Thứ tư, Việt Nam đã thúc đẩy cải cách thể chế; Thứ năm, Việt Nam gia nhập WTO đã tạo ra những tác động sâu sắc đến mô hình quản trị nhà nước, đặc biệt trên hai phương diện: thúc đẩy nguyên tắc pháp quyền và mở rộng vai trò của các chủ thể ngoài nhà nước trong quá trình hoạch định chính sách.

4.2. Cơ hội và thách thức đối với Việt Nam trong việc tiếp tục tham gia Tổ chức Thương mại thế giới trong thời gian tới.

4.2.1. Cơ hội đối với Việt Nam khi tham gia Tổ chức Thương mại thế giới

Từ góc độ chính trị, những cơ hội mà Việt Nam có được khi tham gia WTO như:

Cải thiện hệ thống pháp lý và hành chính; Thúc đẩy cải cách kinh tế và phát triển xã hội; Tăng cường sức mạnh mềm và hình ảnh

quốc gia; Mở rộng quan hệ đối ngoại, tăng cường quan hệ với các nền kinh tế lớn; Củng cố và phát triển quan hệ đối tác chiến lược

4.2.2. Những thách thức của Việt Nam khi tham gia Tổ chức thương mại thế giới

Thực thi các cam kết quốc tế; Khó khăn trong việc bảo vệ lợi ích dân tộc; Sự thay đổi trong cấu trúc các nhóm trong nước; Sự suy giảm nhất định vai trò của WTO; Cạnh tranh, xung đột lợi ích chính trị quốc tế gia tăng; Nguy cơ chiến tranh thương mại

4.3. Hàm ý chính sách cho Việt Nam

Việt Nam cần có lộ trình cụ thể và những chính sách hợp lý để xác định đường lối đối nội, đối ngoại trong thời gian tới và có tầm nhìn đến năm 2030 – 2045.

Thứ nhất, tăng cường xây dựng chính trị ổn định và năng lực lãnh đạo trong nước để hỗ trợ quá trình hội nhập; Thứ hai, tăng cường vai trò của các cơ quan lập pháp; Thứ ba, thúc đẩy đối thoại xã hội và tham gia của các bên liên quan trong các quyết định về hội nhập quốc tế; Thứ tư, đầu tư mạnh vào giáo dục và đào tạo nghề, cải thiện năng lực cạnh tranh của lực lượng lao động; phát triển kinh tế tư nhân, doanh nghiệp; Thứ năm, cân bằng giữa hội nhập kinh tế và bảo vệ chủ quyền quốc gia; Thứ sáu, tận dụng khung pháp lý WTO để đa dạng hoá nguồn cung năng lượng, thúc đẩy năng lượng tái tạo, mở rộng thị trường và kết hợp chiến lược ngoại giao nhằm bảo vệ an ninh quốc gia, giải quyết tranh chấp và nâng cao vị thế quốc tế; Thứ bảy, Việt Nam cần kết hợp chặt chẽ ngoại giao kinh tế với đối ngoại đa phương, nhằm vừa khai thác tối đa lợi ích từ các hiệp định thương mại quốc tế, vừa bảo vệ lợi ích quốc gia và nâng cao vị thế trong các tổ chức quốc tế; Thứ tám, tăng cường các chính sách đối phó với các biến động chính trị quốc tế có thể ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế và chính trị; Thứ chín, đảm bảo tính bền vững trong phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường.

KẾT LUẬN

Việc Việt Nam gia nhập WTO là dấu mốc quan trọng trong tiến trình hội nhập quốc tế của đất nước không chỉ trên phương diện kinh tế mà còn trên cả khía cạnh chính trị. Trong luận án, tác giả đã phân tích quá trình tham gia WTO của Việt Nam từ góc độ chính trị, đồng thời chỉ ra được những tác động của việc gia nhập này đối với chính sách đối nội và đối ngoại của Việt Nam trong hơn 20 năm qua. Trên cơ sở tổng hợp các phân tích lý luận, thực tiễn và những tác động đa chiều của việc hội nhập vào WTO, luận án đã đánh giá tác động đối với chính trị Việt Nam và cũng đã đưa ra một số gợi ý chính sách nhằm nâng cao hiệu quả tham gia WTO của Việt Nam trong bối cảnh hiện nay và trong thời gian tới.

Luận án đã làm rõ các khía cạnh liên quan đến sự tham gia của Việt Nam vào WTO dưới góc nhìn chính trị:

Thứ nhất, luận án đã hệ thống hoá các quan điểm lý thuyết để nghiên cứu, nhất là các lý thuyết quan hệ quốc tế. Dù quan điểm khác nhau nhưng đều chỉ rõ mối liên quan giữa kinh tế và chính trị trong đời sống quốc tế. Việc hệ thống hoá này không chỉ cung cấp nền tảng lý luận cho luận án mà còn giúp xác định rõ bản chất phức tạp giữa các yếu tố kinh tế và chính trị trong bối cảnh toàn cầu hoá.

Thứ hai, luận án đã nghiên cứu các nhân tố tác động đến quá trình Việt Nam chuẩn bị và tham gia WTO. Trong đó, các nhân tố chính trị vừa đóng vai trò động lực, mục tiêu và điều kiện cho sự việc này. Luận án cũng chỉ ra rằng các nhân tố chính trị không chỉ là nền tảng thúc đẩy quá trình hội nhập mà còn là yếu tố định hướng toàn bộ chiến lược. Đồng thời sự ổn định chính trị nội bộ, sự đồng thuận trong hệ thống lãnh đạo và khả năng phối hợp giữa các cơ quan cũng là điều kiện tiên quyết để đảm bảo quá trình chuẩn bị và tham gia WTO diễn ra thành công.

Thứ ba, luận án đã chia vấn đề nghiên cứu gồm 2 giai đoạn là quá trình chuẩn bị và quá trình tham gia WTO của Việt Nam. Quá trình Việt Nam chuẩn bị tham gia WTO kéo dài từ năm 1995 đến 2006 phản

ánh sự chuyển dịch mạnh mẽ của chính sách đối ngoại và kinh tế Việt Nam. Đây là thời kỳ Việt Nam đẩy mạnh cải cách kinh tế, mở cửa thị trường và nỗ lực xây dựng khung pháp lý phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế. Quá trình tham gia WTO từ năm 2007 đến nay, Việt Nam đã thực hiện hàng loạt các cải cách nhằm tuân thủ các cam kết quốc tế. Các lĩnh vực thương mại, đầu tư, sở hữu trí tuệ và các chính sách liên quan đến doanh nghiệp nhà nước đều có sự điều chỉnh đáng kể. Những thay đổi đó đã tác động đến cấu trúc kinh tế - chính trị của Việt Nam, góp phần tạo ra môi trường pháp lý minh bạch nhưng đồng thời cũng đặt ra những thách thức trong việc duy trì sự cân bằng giữa phát triển kinh tế và ổn định chính trị. Việc gia nhập WTO không chỉ là một quyết định kinh tế mà còn là một chiến lược chính trị quan trọng, thể hiện sự kiên định hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu và cải cách thể chế theo hướng minh bạch và công khai hơn.

Thứ tư, việc Việt Nam tham gia WTO đã mang lại nhiều thành tựu cũng như những cơ hội cho Việt Nam cả về kinh tế lẫn chính trị như tạo ra chính sách thương mại minh bạch; cải thiện hệ thống pháp lý và chính sách; thúc đẩy cải cách kinh tế và phát triển xã hội; mở rộng thị trường xuất khẩu; thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài. Việt Nam đã ghi nhận sự tăng trưởng vượt bậc trong xuất khẩu, đưa Việt Nam vào nhóm 20 nền kinh tế có quy mô thương mại lớn nhất thế giới [Trung tâm WTO, 2023a]. Cơ cấu hàng hoá xuất khẩu cũng chuyển dịch mạnh mẽ từ nông sản sang các sản phẩm công nghiệp chế biến và công nghệ cao, giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường quốc tế. Việc gia nhập WTO đã nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam, thể hiện cam kết mạnh mẽ của đất nước trong việc tuân thủ các quy tắc thương mại toàn cầu, thúc đẩy cải cách thể chế, minh bạch hoá chính sách và hoàn thiện hệ thống pháp luật. Việt Nam đã củng cố quan hệ đối tác chiến lược với các nước lớn và trở thành đối tác tin cậy trong các cơ chế hợp tác đa phương đồng thời tham gia tích cực vào các diễn đàn quốc tế. Những thành tựu này không chỉ giúp Việt Nam khẳng

định vai trò trong chuỗi giá trị toàn cầu và còn tạo nền tảng vững chắc cho phát triển bền vững và hội nhập sâu rộng.

Thứ năm, những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam khi tham gia WTO là những khó khăn và thách thức về các khía cạnh như yêu cầu về các thực thi cam kết, tuân thủ quy định của WTO; cải cách pháp lý; đổi mới nâng cao năng lực sản xuất; tình hình chính trị nội bộ; sự thay đổi cấu trúc quyền lực; xung đột lợi ích và chính trị quốc tế; nguy cơ chiến tranh thương mại... Những vấn đề này đòi hỏi Việt Nam cần có những cách giải quyết và thích ứng hợp lý, đòi hỏi hệ thống chính sách vừa khôn khéo về đối ngoại, vừa đủ mạnh về nội lực để tái cấu trúc toàn diện, để kiến tạo năng lực thực chất cho đất nước.

Thứ sáu, sự tham gia của Việt Nam vào WTO đã có những tác động sâu sắc đối với hệ thống chính trị trong nước và vị thế quốc tế của Việt Nam. Về mặt chính trị đối nội, nó đặt ra yêu cầu cấp bách về cải cách thể chế, nâng cao tính minh bạch và hiệu quả quản lý nhà nước. Mặc khác, áp lực từ hội nhập cũng làm gia tăng các thách thức về bất bình đẳng kinh tế, quản lý nguồn lực khả năng thích ứng của các ngành kinh tế trong nước trước sự cạnh tranh quốc tế. Về mặt chính trị đối ngoại, việc trở thành thành viên WTO khẳng định cam kết của Việt Nam trong việc hội nhập toàn diện và chủ động vào cộng đồng quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động ngoại giao kinh tế, mở rộng hợp tác thương mại và đầu tư. Việt Nam đã chủ động hơn trong việc tham gia các thể chế đa phương, thúc đẩy các sáng kiến hợp tác kinh tế khu vực và toàn cầu. Tác động chính trị còn thể hiện ở việc thúc đẩy chuyển dịch tư duy lãnh đạo từ quản lý tập trung sang điều hành theo nguyên tắc thị trường. Việc tuân thủ các quy định của WTO giúp Việt Nam xây dựng hình ảnh một quốc gia thượng tôn pháp luật, tôn trọng cam kết từ đó tạo dựng niềm tin với các đối tác và nhà đầu tư quốc tế. Tham gia WTO là chứng minh cho sự phát triển về chính trị của Việt Nam trong quá trình hội nhập. Nó thể hiện bản lĩnh của một quốc gia dám đối mặt với thách thức, chấp nhận cạnh tranh và sẵn sàng cải cách để phát triển. Đây là lựa chọn chiến lược mang tính chính trị sâu sắc,

mở ra kỷ nguyên mới cho Việt Nam trên con đường trở thành quốc gia phát triển và có ảnh hưởng trong cộng đồng quốc tế.

Thứ bảy, luận án đã đưa ra các hàm ý chính sách đối với việc tham gia WTO của Việt Nam như tăng cường xây dựng chính trị ổn định và năng lực lãnh đạo; tăng cường vai trò của các cơ quan lập pháp; thúc đẩy đối thoại xã hội và tham gia của các bên liên quan trong các quyết định về hội nhập quốc tế; đầu tư mạnh vào giáo dục và đào tạo nghề, cải thiện năng lực cạnh tranh của lực lượng lao động; cân bằng giữa hội nhập kinh tế và bảo vệ chủ quyền quốc gia; xây dựng chiến lược ngoại giao và pháp lý để giải quyết tranh chấp trong WTO; phát triển ngoại giao kinh tế để tối ưu hoá lợi ích từ các hiệp định thương mại quốc tế; đẩy mạnh đối ngoại đa phương để bảo vệ lợi ích quốc gia và gia tăng ảnh hưởng trong các tổ chức quốc tế; tăng cường các chính sách đối phó với các biến động chính trị quốc tế có thể ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế và chính trị; đảm bảo tính bền vững trong phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường.

Thứ tám, cách tiếp cận từ góc độ chính trị của luận án cho vấn đề này không chỉ giúp làm rõ bản chất sức mạnh và lợi ích đằng sau những quyết định kinh tế mà còn phân tích về vai trò của các chủ thể chính trị trong định hình thị trường, chính sách thương mại quốc tế. Việc nghiên cứu này cho thấy mối quan hệ sức mạnh giữa các quốc gia, giữa nhà nước và doanh nghiệp, giữa lợi ích dân tộc với các cam kết hội nhập. Đồng thời, dưới góc nhìn chính trị sẽ cho thấy hướng tiếp cận vấn đề này toàn diện hơn, giúp hiểu rõ hơn không chỉ “vấn đề gì đang xảy ra” mà còn là “vì sao lại xảy ra” và “những thay đổi đó có ý nghĩa gì”. Từ đó là căn cứ, nền tảng để xây dựng các chính sách phát triển thực tế và hiệu quả hơn.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Phạm Quỳnh Hương (2024), *Phát huy vai trò của ASEAN trong quan hệ giữa Việt Nam và các nước lớn*, Kỷ yếu hội thảo quốc gia, Nxb. Lao động. ISBN 978-604-343-773-7, tr. 168 - 173.
2. Phạm Quỳnh Hương (2024), *Vietnam's road to being a member of the world trade organization (WTO)*, International Conference Proceedings, New studies and finding in Vietnamese and international politics, Hanoi Pedagogical University Publishing House, ISBN 978-604-54-4977-6, pp.154 -160.
3. Phạm Quỳnh Hương (2024), *Joining the World Trade Organization (WTO): Advantages, Difficulties, and Experience of Viet Nam, International Institutions in East Asia: Revisited from Korean and Vietnamese Perspectives*, Labour Publishing House, ISBN 978 – 604-492-338-3, pp.121-132.
4. Phạm Quỳnh Hương (2024), *Climate change affects Vietnam's Economics and Political realtions with countries in the Organization World Trade*, Proceedings of International Scientific (ISC) – 2024 “Green Values for Sustainable Development”, Publishing House for Science and Technology, ISBN 978-604-357-331-2, pp.819 - 824.
5. Phạm Quỳnh Hương (2025), *The Role of multilateral diplomacy in managing global instability*, International conference proceedings New Studies in Economics, Politics, Law, International Relations, and Local Governance, Labour Publishing House, ISBN 978-632-03-0427-1, pp.169 -175

